

**ĐỀ ÁN**  
**BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG**  
**TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**  
**GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2026-2030**  
**ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035**

(Kèm theo Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh)

**Phần thứ nhất**

**SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc là việc giữ gìn, bảo vệ các giá trị văn hóa vật thể (*nhà ở, trang phục, món ăn, di tích kiến trúc, nghệ thuật tôn giáo, tín ngưỡng...*) và di sản văn hóa phi vật thể (*biểu đạt và truyền thống truyền khẩu, nghệ thuật trình diễn dân gian, tập quán xã hội và tín ngưỡng, lễ hội truyền thống, tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống*) được hình thành và lưu truyền qua nhiều thế hệ, giúp phân biệt cộng đồng dân tộc này với cộng đồng dân tộc khác, đồng thời tôn vinh, lan tỏa gắn với phát triển du lịch bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

Tuyên Quang là vùng đất có lịch sử lâu đời, nơi hội tụ và giao thoa văn hóa đặc sắc của trên 30 dân tộc anh em, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 54% dân số toàn tỉnh. Với hệ thống di sản văn hóa đồ sộ gồm 663 di sản phi vật thể (53 di sản được ghi danh vào danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể, 01 di sản được ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại) và hàng trăm di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, Tuyên Quang sở hữu nguồn tài nguyên du lịch nhân văn có giá trị đặc biệt, tạo ra lợi thế cạnh tranh khác biệt so với các tỉnh trong khu vực; với bản sắc văn hóa đa dạng là tiền đề chiến lược để thực hiện mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và tốc độ đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, các giá trị văn hóa truyền thống đang đứng trước những thách thức chưa từng có. Không gian văn hóa làng bản đang bị xâm thực bởi quá trình "bê tông hóa"; các loại hình nghệ thuật trình diễn, tri thức dân gian và tiếng nói, chữ viết cổ có xu hướng bị mai một do sự đứt gãy trong truyền dạy giữa các thế hệ. Đội ngũ nghệ nhân - những "báu vật nhân văn sống" đang ngày càng cao tuổi và giảm dần về số lượng, trong khi một bộ phận thế hệ trẻ chưa nhận thức đầy đủ về giá trị di sản, cán bộ chuyên trách ở cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu...

Thời gian qua, việc khai thác giá trị văn hóa gắn với du lịch trên địa bàn tỉnh vẫn còn hạn chế: phát triển mang tính tự phát, sản phẩm du lịch chưa phong phú, hàm lượng văn hóa trong các sản phẩm dịch vụ chưa sâu; tính mùa vụ còn cao và chưa tạo ra chuỗi giá trị kinh tế bền vững cho cộng đồng tại chỗ. Sự thiếu hụt một khung pháp lý và định hướng chuyên sâu dẫn đến tình trạng di sản bị khai thác quá mức hoặc bị "sân khấu hóa", làm biến dạng các giá trị nguyên bản. Xây dựng Đề án là giải pháp tất yếu để thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, định hình lộ trình số hóa di sản và chuyển hóa tài nguyên văn hóa thành "vốn đầu tư" cho công nghiệp văn hóa, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa bảo tồn và tăng trưởng kinh tế.

Từ những lý do nêu trên, việc xây dựng và triển khai Đề án "**Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035**" là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, cấp bách và có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Đề án định hướng các nhiệm vụ bảo tồn văn hóa, đồng thời thực hiện nhiệm vụ chính trị trọng yếu nhằm củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao lòng tự hào và trách nhiệm của cộng đồng đối với cội nguồn. Đề án có vai trò quan trọng để Tuyên Quang chủ động ứng phó với các tác động tiêu cực của văn hóa ngoại lai, đồng thời tạo ra sinh kế bền vững, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân thông qua mô hình "Kinh tế di sản". Đây là bước đi chiến lược góp phần hiện thực hóa các cam kết quốc tế về bảo tồn di sản của UNESCO và các mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia.

## **II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

### **1. Căn cứ chính trị**

- Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hoá Việt Nam;
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;
- Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 10/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;
- Nghị quyết số 84-NQ/TU ngày 20/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xây dựng và phát triển con người Tuyên Quang toàn diện về đạo đức, nhân cách, trí tuệ, thể lực, thẩm mỹ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, giai đoạn 2026-2030;
- Nghị quyết số 92/NQ-TU ngày 13/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2050;
- Chương trình hành động số 60-CTr/TU ngày 27/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hoá Việt Nam;
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

## 2. Căn cứ pháp lý

- Luật Di sản Văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;
- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;
- Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;
- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;
- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;
- Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030;
- Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030;
- Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030;
- Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị quyết 103/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;
- Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế

- xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam;

- Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống các dân tộc trong các cơ sở giáo dục tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2025-2030.

## **Phần thứ hai**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO TỒN, PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

#### **I. VỀ DI SẢN VĂN HOÁ VẬT THỂ**

##### **1. Kiến trúc truyền thống**

Kiến trúc truyền thống của các dân tộc tỉnh Tuyên Quang bao gồm kiến trúc nhà ở và không gian sinh hoạt của đồng bào. Kiến trúc điển hình tiêu biểu như: Nhà trình tường của người Mông với hệ thống cổng mái ngói âm dương, tường rào đá...; kiến trúc của người Tày với nhà sàn cột gỗ; hệ thống nhà nửa sàn, nửa đất của người Dao, người Sán Chay; hệ thống vì kèo, mái lợp (lá cọ, ngói âm dương) và cách bố trí cầu thang, sàn hiên, hệ thống ao liền kề với nhà ở... Việc bảo tồn nguyên trạng kiểu dáng kiến trúc đã được nhiều thôn bản chú trọng thực hiện, nhất là các làng văn hóa du lịch cộng đồng như: Thôn Tha, Thôn Khun, Thanh Sơn, Chì, Quảng Hạ, Nà Ràng, Ma Lé, Nà Tông, Nà Đông, Nặm Đíp, Khâu Tràng...

Đối với các khu, điểm du lịch tại các xã vùng cao nguyên đá đã khai thác, bảo tồn, phục dựng kiến trúc truyền thống của người Mông để tạo điểm nhấn nét đặc trưng phục vụ khai thác phát triển du lịch: Như kiến trúc các ngôi nhà, tường rào trong Làng Mông Mèo Vạc, H'Mong village, phố cổ Đông Văn (đã được xếp hạng di tích quốc gia)... hoặc những cổng chào vào các thôn, các khu du lịch... mang đặc trưng mái ngói âm dương, kiểu dáng của kiến trúc.

Tuy nhiên, công tác bảo tồn kiến trúc nhà ở truyền thống tại một số địa phương chưa đồng bộ, một số ngôi nhà đã xuống cấp, cải tạo, coi nói hoặc thay thế vật liệu truyền thống bằng vật liệu hiện đại, làm giảm tính nguyên gốc và giá trị bản sắc văn hóa của dân tộc. Đặc biệt, trong thời điểm hiện nay, việc các gia đình tự tìm kiếm, khai thác vật liệu truyền thống (gỗ, tre, nứa, ngói âm dương...) để cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà ở theo đúng bản sắc văn hóa gặp rất nhiều khó khăn.

##### **2. Trang phục và nghề thủ công truyền thống**

Hiện nay, một số dân tộc sử dụng trang phục truyền thống của dân tộc mình trong sinh hoạt hàng ngày, nhưng phần lớn đồng bào chỉ sử dụng vào các dịp lễ, tết và các dịp quan trọng khác (đám cưới, lễ hội). Các trường học nội trú, bán trú xây dựng lịch mặc trang phục dân tộc trong tuần để học sinh và giáo viên thực

hiện. Trang phục dân tộc đã được các nghệ sĩ mặc biểu diễn trong các sự kiện lớn của tỉnh, các phát thanh viên của Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh thường xuyên mặc trong khi dẫn chương trình truyền hình dân tộc.

Một số nghề truyền thống còn lưu giữ được toàn bộ quy trình sản xuất như nghề trồng bông dệt vải của người La Chí, người Tày; nhiều nghề thủ công truyền thống được bảo tồn, phục dựng<sup>1</sup>, trong đó có 01 di sản được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh vào Danh mục quốc gia về di sản văn hoá phi vật thể<sup>2</sup>. Công tác truyền dạy kỹ thuật làm trang phục và nghề truyền thống của các dân tộc trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã được quan tâm triển khai thực hiện qua các lớp tập huấn, tuy nhiên chưa thực sự đồng bộ và hiệu quả; chất liệu, dụng cụ để chế tạo, thực hành ngày càng mai một và gặp nhiều khó khăn, một số yếu tố nguyên gốc về chất liệu và hoa văn... quy trình chưa được bảo lưu đầy đủ.

Việc phát huy di sản văn hóa trong phát triển du lịch từ hoạt động này chưa bài bản. Các điểm trải nghiệm hoạt động làm trang phục, như học cách nhuộm chàm, in sáp ong, thêu một họa tiết nhỏ hoặc dệt vải cùng nghệ nhân đã được thực hiện tại một số điểm (Lùng Tám, Sủng Máng) nhưng chưa thành sản phẩm riêng có. Dịch vụ cho thuê trang phục quần áo dân tộc tại các điểm check-in (thác Bản Ba, hồ Na Hang, lòng hồ Nho Quê, các điểm dừng chân trên cao nguyên đá...) trong đó có trang phục chưa đúng với trang phục truyền thống, chưa có nhân viên hướng dẫn cách mặc đúng, cách tạo dáng phù hợp... dẫn tới có lúc, có nơi gây phản cảm. Ứng dụng thổ cẩm, trang sức, nhạc cụ dân tộc để gắn với thiết kế các sản phẩm ứng dụng (túi xách, khăn quàng, áo dài cách tân) chưa được tận dụng tối ưu...

### 3. Ẩm thực truyền thống

Ẩm thực truyền thống của các dân tộc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang hiện nay rất phong phú và đa dạng, mang đậm bản sắc văn hóa đặc trưng của từng cộng đồng dân cư. Các món ăn chủ yếu sử dụng nguồn nguyên liệu tự nhiên hoặc do đồng bào tự nuôi trồng, kết hợp với phương thức chế biến thủ công truyền thống tạo nên những hương vị độc đáo, riêng biệt. Có thể kể đến những đặc sản tiêu biểu như: Mèn mèn, canh Tầu chúa, Thắng cố của đồng bào vùng cao; cơm nếp nương, cơm lam cùng các món nướng, các loại bánh đặc trưng của cư dân phía Tây và phía Nam tỉnh. Nhiều sản phẩm ẩm thực do đồng bào sáng tạo đã trở thành thương hiệu hấp dẫn khách du lịch như bánh Thắng dền, bánh Chung đen, Mắm cá ruộng, Thịt lợn treo gác bếp, bánh Trứng kiến và xôi Ngũ sắc. Bên cạnh đó, việc phát triển các món ăn mới dựa trên nền tảng truyền thống như cháo Ấu tẩu, phở Ngô, rêu Đá, cùng các loại trà quý và đặc sản đạt danh hiệu quốc tế

<sup>1</sup>. (1) Nghề dệt thổ cẩm của người Tày tại xã Nà Hang, xã Lâm Bình; (2) nghề may, trang trí trang phục truyền thống của người Dao đỏ, xã Lâm Bình; (3) nghề làm trang phục và vẽ sáp ong của dân tộc Dao tiền, thôn Khau Tràng, xã Hồng Thái; (4) nghề làm bánh gai truyền thống của người Tày, xã Chiêm Hoá; (5) nghề nấu rượu chuối của đồng bào dân tộc Tày, xã Kim Bình; (6) nghề chạm khắc bạc của người Mông, thôn Lao Xa, xã Sà Phìn; (7) nghề làm thuốc Nam, nghề rèn của người Dao, thôn Nặm Đăm, xã Quán Bạ; (8) nghề làm nón lá hai mê của người Tày, xã Xuân Giang; (9) nghề thêu, dệt lanh của người Mông tại Phố Cáo, xã Đòng Vãn; (10) nghề làm khèn Mông tại xã Lũng Phìn; (11) nghề làm thuốc Nam của người Dao, thôn Lũng Búng, xã Tân Trào; (12) nghề đan lát truyền thống, người Tày, thôn Tân Lập, xã Tân Trào.

<sup>2</sup>. Nghề làm Nón lá hai mê của người Tày.

như mật ong Bạc Hà, nước mắm Cà cuống, các loại cây ăn quả đặc sản (hồng không hạt, lê, mận) đã góp phần làm phong phú thêm bản đồ ẩm thực của địa phương. Tỉnh đã tổ chức các hội chợ ẩm thực để vinh danh và quảng bá các món ăn, các đặc sản của tỉnh bên lề các lễ hội lớn, tham gia các lễ hội ẩm thực, các hội chợ chuyên đề trong cả nước.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy một số món ăn truyền thống đang đứng trước nguy cơ mai một do tần suất xuất hiện trong đời sống hàng ngày thấp, chủ yếu chỉ còn duy trì trong các dịp lễ, tết. Công tác truyền dạy kỹ thuật chế biến cho thế hệ trẻ cũng như việc xây dựng các sản phẩm ẩm thực có sức lan tỏa và giá trị thương hiệu cao vẫn còn nhiều hạn chế. Ngoài ra, việc bảo vệ nguồn nguyên liệu tự nhiên và công tác truy xuất nguồn gốc sản phẩm chưa được thực hiện một cách đồng bộ và nghiêm túc, gây ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của giá trị văn hóa ẩm thực của tỉnh. Việc đưa ẩm thực thành sản phẩm thu hút du lịch chưa hiệu quả.

#### 4. Di tích tôn giáo, tín ngưỡng

Toàn tỉnh hiện có 170 di tích, trong đó có các di tích lịch sử mang tính tâm linh và tín ngưỡng đã được Nhà nước công nhận là di tích quốc gia hoặc quốc gia đặc biệt. Tuyên Quang được mệnh danh là "vùng đất Mẫu" với hệ thống đền thờ Mẫu Thoải. Tỉnh còn có các ngôi chùa cổ có giá trị lịch sử lớn và các bia đá, chuông cổ, di tích khảo cổ, Bảo vật quốc gia<sup>3</sup> thường xuyên được kiểm kê, bảo tồn. Nơi đây là địa điểm thăm quan du lịch hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước tới hành hương, chiêm bái và cung tiến để tôn tạo các đền chùa khang trang, sạch đẹp. Tỉnh cũng cho xây dựng tôn tạo các điểm tâm linh là các khu tưởng niệm các vị tiền bối cách mạng, các nghĩa trang liệt sĩ và đền thờ Bác Hồ, đây cũng là các địa điểm người dân thường xuyên đến thể hiện bày tỏ lòng thành kính tưởng nhớ tri ân.

Tuy nhiên, tại một số điểm di tích tôn giáo, tín ngưỡng chưa phát huy hết tiềm năng, chưa có quy hoạch cụ thể, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, thiếu dịch vụ hỗ trợ du khách. Hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho Nhân dân, du khách trong việc giữ gìn, bảo vệ, phát

---

<sup>3</sup>. (1) Quần thể Đền Hạ - Đền Thượng - Đền Ý La (phường Minh Xuân): Đây là 3 ngôi đền linh thiêng nhất xứ Tuyên, thờ hai nàng công chúa Phương Dung và Ngọc Lân. Quần thể này đã được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia. Lễ hội của 3 đền cũng là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. (2) Chùa Bảo Ninh Sùng Phúc (Chiêm Hóa): Ngôi chùa được xây dựng từ thời Lý (năm 1107). Tại đây lưu giữ tám bia đá cổ là Di tích khảo cổ - lịch sử cấp quốc gia và cũng là Bảo vật quốc gia. (3) Chùa Kim Ninh (Sơn Dương): Một ngôi chùa cổ tọa lạc tại xã Vĩnh Lợi, mới được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng Di tích quốc gia vào năm 2021. (4) Đền Pác Tạ (Na Hang): Nằm ở vị trí giao nhau giữa sông Gâm và sông Năng, thờ vị hôn thê của Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật. Đây là di tích danh thắng và tâm linh cấp Quốc gia. (5) Chùa Phúc Lâm (Lâm Bình): Ngôi chùa cổ thuộc xã Thượng Lâm, được công nhận là Di tích quốc gia vào năm 2009. (6) Đình Tân Trào và Đình Hồng Thái - hai công trình kiến trúc đình làng truyền thống, nơi thờ thành hoàng và các vị thần linh, gắn liền với đời sống tín ngưỡng của đồng bào địa phương. (7) Chùa Sùng Khánh (Vị Xuyên): Được xây dựng từ thời Trần (năm 1356). Ngôi chùa nổi tiếng với tám bia đá thời Trần và quả chuông đúc thời Lê, được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia từ năm 1999. (8) Chùa Bình Lâm (Vị Xuyên): Là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia, nơi lưu giữ quả chuông chùa Bình Lâm - một Bảo vật quốc gia được đúc từ năm 1295 thời Trần. (9) Chùa Nậm Dầu (Vị Xuyên): Di tích khảo cổ - lịch sử cấp quốc gia, là điểm đến tâm linh quan trọng với nhiều dấu tích văn hóa cổ xưa.

huy giá trị các di tích có mặt còn hạn chế, dẫn đến có nơi xuất hiện nguy cơ xâm hại, tác động làm ảnh hưởng tiêu cực đến giá trị của di tích.

## **II. VỀ DI SẢN VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ**

Toàn tỉnh hiện có 663 di sản văn hoá phi vật thể, trong đó có 53 di sản văn hoá phi vật thể được ghi danh vào Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể, gồm: 08 di sản về Nghệ thuật trình diễn dân gian, 23 di sản về tập quán xã hội và tín ngưỡng, 12 di sản lễ hội truyền thống, 09 di sản về tri thức dân gian, 01 di sản nghề thủ công truyền thống, trong đó có loại hình được ghi danh vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

**1. Loại hình biểu đạt và truyền thống truyền khẩu** (ngôn ngữ, chữ viết, ngữ văn dân gian)

Hiện nay, phần lớn các cộng đồng dân tộc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang vẫn duy trì và bảo lưu được tiếng nói đặc trưng của mình, sử dụng thường xuyên trong giao tiếp hàng ngày tại các làng bản như: Dân tộc Mông, Dao, Tày, Giáy, Nùng, Sán Dìu. Một số dân tộc đã hình thành hệ thống chữ viết riêng biệt như: Chữ Nôm Tày, chữ Dao cổ, chữ Mông, cùng hệ thống văn bản cổ quý báu được lưu giữ trong sách cổ, gia phả và các bài cúng phục vụ nghi lễ truyền thống. Bên cạnh đó, kho tàng ngữ văn dân gian với các loại hình ca dao, tục ngữ, truyện kể và lời hát nói ví von cũng được lưu truyền bền vững qua nhiều thế hệ bằng hình thức truyền khẩu.

Trong những năm qua, công tác bảo tồn đã được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thông qua việc mở các lớp truyền dạy tiếng nói, chữ viết và xây dựng chương trình, tài liệu ngoại khóa song ngữ (Tiếng Việt với tiếng Tày, tiếng Dao) tại các trường học. Tỉnh cũng định kỳ tổ chức các lớp dạy tiếng dân tộc tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên và duy trì các chuyên mục phát thanh, truyền hình bằng tiếng Mông, Tày, Dao, Sán Dìu. Công tác khảo sát, kiểm kê loại hình di sản này được thực hiện nghiêm túc, đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể của tỉnh cùng nhiều công trình nghiên cứu khoa học, nghệ thuật chuyên sâu.

Tuy nhiên, thực trạng hiện nay vẫn còn những thách thức khi chưa có di sản thuộc loại hình tiếng nói, chữ viết nào được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Đặc biệt, thế hệ trẻ hiện có xu hướng ít quan tâm và không thường xuyên sử dụng ngôn ngữ, chữ viết của dân tộc mình trong đời sống, dẫn đến nguy cơ mai một bản sắc văn hóa đang ở mức báo động.

**2. Loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian, tập quán xã hội và tín ngưỡng**

Tuyên Quang là nơi hội tụ của nhiều dân tộc anh em, sở hữu hệ thống di sản nghệ thuật trình diễn (âm nhạc<sup>4</sup>, múa<sup>5</sup>, dân ca<sup>6</sup>). Hiện có 08 di sản được đưa vào Danh mục quốc gia về di sản văn hoá phi vật thể<sup>7</sup> và tập quán tín ngưỡng (có 23 di sản được đưa vào Danh mục quốc gia về di sản văn hoá phi vật thể<sup>8</sup>; 01 di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại<sup>9</sup>) vô cùng đa dạng được phân hóa rõ rệt theo đặc trưng của từng tộc người. Nổi bật nhất là nghệ thuật Hát then - đàn tính (đã được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại), cùng các loại hình dân ca truyền thống như: Hát Páo dung của người Dao, Sinh ca của người Cao Lan, Soọng cô của người Sán Dìu, múa Khèn của người Mông và các nghi thức tín ngưỡng độc đáo như: Lễ nhảy lửa của người Pà Thẻn hay lễ cấp sắc của người Dao... Những loại hình này không chỉ phản ánh thế giới quan, lịch sử di cư và quá trình khai sơn lập bản của cha ông mà còn đóng vai trò như một sợi dây gắn kết cộng đồng, củng cố tinh đoàn kết dân tộc thông qua các hình thức diễn xướng tập thể. Đặc biệt, các lời ca và bài cúng trong nghi lễ luôn chứa đựng những giá trị giáo dục sâu sắc về đạo lý làm người, lòng hiếu thảo và sự tôn trọng thiên nhiên. Trong bối cảnh phát triển hiện nay, nghệ thuật trình diễn dân gian là nội dung hấp dẫn, thu hút khách du lịch, là nguồn tài nguyên đặc sắc để phát triển các làng văn hóa du lịch cộng đồng, tạo việc làm và thu nhập trực tiếp cho người dân.

Trong những năm qua, công tác bảo tồn và phục dựng các giá trị văn hóa này đã được tỉnh đặc biệt quan tâm triển khai thông qua các nghị quyết chuyên đề, hỗ trợ kinh phí cho nghệ nhân truyền dạy và thành lập hàng trăm câu lạc bộ văn nghệ

---

<sup>4</sup>. Nổi bật như: Đàn môi, kèn lá, sáo của dân tộc Mông; đàn tính, xóc nhạc của dân tộc Tày; trống Tang Sành của dân tộc Cao Lan; trống, chiêng, chuông của dân tộc Dao; trống, thanh la, sáo của dân tộc Sán Dìu.

<sup>5</sup>. Múa khèn, múa ô, múa Sênh tiền của dân tộc Mông; múa Bát, múa Xoè, múa Quạt, múa Châu, nhảy sạp của dân tộc Tày; múa Xúc tép, múa Chim gâu, múa Giã côm, múa Phát nương tra hạt, múa Cầu mùa của dân tộc Cao Lan; múa Chuông, múa Rùa, múa trong nghi lễ Cấp sắc của dân tộc Dao; múa Ngựa giấy, múa Sạp của dân tộc Nùng; múa Trống đồng, múa vui ngày hội mùa, múa trong lễ cúng rừng của dân tộc Lô Lô.

<sup>6</sup>. Hát ru, dân ca của dân tộc Mông; hát Then, hát Quan làng, hát Lượn, hát Cọi của dân tộc Tày; hát Sinh ca của dân tộc Cao Lan; hát Soọng Cô của dân tộc Sán Dìu; hát Páo Dung của dân tộc Dao; hát giao duyên, hát Sli, hát Soong hao, hát Sli Giang của dân tộc Nùng; dân ca của dân tộc Bô Y. Các bài dân ca có thể chia thành 3 loại: Dân ca gắn với nghi lễ và phong tục (những bài ca khi đón đưa trẻ chào đời, trong lễ mừng đám cưới, trong nghi lễ tang ma, các nghi lễ then của người Tày...); dân ca gắn với những vấn đề xã hội (những bài ca than thân mô cô, làm dâu, cuộc sống, lao động sản xuất...); dân ca trữ tình giao duyên, đây là loại hình dân ca chiếm số lượng lớn và cũng là điển hình, thu hút khách du lịch.

<sup>7</sup>. (1) Nghệ thuật Khèn của người Mông; (2) Dân ca Bô Y của người Bô Y; (3) Hát quan làng của người Tày, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập); (4) Hát Páo Dung của người Dao, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập); (5) Hát Páo Dung của người Dao, tỉnh Tuyên Quang (trước sáp nhập); (6) Hát Soọng cô của người Sán Dìu; (7) Hát Sinh ca của người Cao Lan; (8) Hát quan làng của người Tày, tỉnh Tuyên Quang (trước sáp nhập).

<sup>8</sup>. (1) Lễ cúng tổ tiên của người Lô Lô; (2) Lễ cúng thần rừng của người Pu Páo; (3) Nghi lễ cấp sắc của người Dao, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập); (4) Tết Khu Cù Tê của người La Chí; (5) Nghi lễ Then của người Tày, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập); (6) Lễ cúng rừng (Mo đồng trụ) của người Nùng, xã Thành Tín; (7) Lễ ra đồng (Pật oong) của người Pu Páo; (8) Lễ cúng rừng của người Phù Lá; (9) Lễ nhảy lửa của người Dao đỏ; (10) Chợ phong lưu (Háng Phúng liu) Khâu Vai của người Nùng, Giáy; (11) Lễ cầu An của người Giáy; (12) Lễ cầu mùa, cầu mưa của người Dao đỏ; (13) Lễ cúng Bàn Vương của người Dao đỏ; (14) Lễ cầu mùa của người Cờ Lao đỏ; (15) Lễ cúng rừng của người Cờ Lao; (16) Lễ cầu mùa của người Pà Thẻn; (17) Nghi lễ Then của người Tày, tỉnh Tuyên Quang (trước sáp nhập); (18) Nghi lễ cấp sắc của người Dao, tỉnh Tuyên Quang (trước sáp nhập); (19) Kéo co truyền thống; (20) Lễ Đại phan của người Sán Dìu; (21) Lễ Nhảy lửa của người Pà Thẻn; (22) Lễ Ai Sáng Mun (Cầu Làng) của người Dao Thanh Y; (23) Tết Nhảy của người Dao Quần Chẹt.

<sup>9</sup>. Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam.

hoạt động tích cực tại các làng văn hóa du lịch<sup>10</sup>... Nghệ thuật trình diễn truyền thống tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng, nòng cốt trong các sự kiện lớn, hoạt động văn hóa du lịch tiêu biểu của tỉnh. Tuy nhiên, thực tế vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức khi đội ngũ nghệ nhân nắm giữ bí quyết di sản phần lớn đã cao tuổi, trong khi lớp trẻ có xu hướng cuốn theo các loại hình giải trí hiện đại, gây nguy cơ đứt gãy mạch truyền dạy. Đáng chú ý, việc đưa di sản vào phục vụ du lịch đôi khi dẫn đến tình trạng lược bỏ các yếu tố linh thiêng hoặc thay đổi nhịp điệu sân khấu hóa, làm giảm tính nguyên bản của không gian diễn xướng. Bên cạnh đó, thu nhập từ nghề trình diễn còn thấp, chưa thực sự phát triển thành một ngành công nghiệp văn hóa tương xứng với tiềm năng sẵn có của địa phương.

### 3. Loại hình lễ hội truyền thống

Tuyên Quang hiện có 108 lễ hội truyền thống, trong đó có 12 lễ hội đã được ghi danh vào Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể<sup>11</sup>. Nhiều lễ hội, nghi lễ được phục dựng đã trở thành sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương<sup>12</sup>. Bên cạnh đó còn có 09 lễ hội văn hoá, góp phần làm phong phú đời sống văn hoá tinh thần của Nhân dân<sup>13</sup>, đặc biệt lễ hội Thành Tuyên - Lễ hội Trưng thu đặc sắc nhất cả nước, Lễ hội Hoa tam giác mạch vùng cao nguyên đá Đèo Văn đã thu hút mọi lứa tuổi khách du lịch trong nước và quốc tế đến với Tuyên Quang, trở thành sản phẩm du lịch riêng có, đóng góp chung vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần quảng bá hình ảnh Tuyên Quang - vùng đất an toàn, thân thiện, tươi đẹp, giàu bản sắc văn hoá đến bạn bè trong nước và quốc tế.

Tuy nhiên, số lượng các lễ hội được bảo tồn, khai thác, phát huy và trở thành sản phẩm du lịch hấp dẫn còn rất hạn chế.

### 4. Loại hình tri thức dân gian

Các di sản thuộc loại hình tri thức dân gian chủ yếu ra đời từ kinh nghiệm trong quá trình lao động sản xuất, sinh hoạt văn hoá. Tri thức dân gian tại Tuyên Quang là một kho tàng kinh nghiệm sống phong phú, phản ánh khả năng thích

<sup>10</sup>. Toàn tỉnh hiện có 257 câu lạc bộ đàn hát dân ca và bảo tồn văn hóa dân tộc, 87 câu lạc bộ hát Then - đàn Tính, 13 câu lạc bộ hát Páo dung của dân tộc Dao, 25 câu lạc bộ hát Sinh ca của dân tộc Cao Lan; 124 đội văn nghệ quần chúng cấp xã; 3.802 đội văn nghệ quần chúng cấp thôn. Hoạt động văn hóa, văn nghệ dân gian của các dân tộc thiểu số như hát Then, hát Cọi (của dân tộc Tày), múa khèn Mông (dân tộc Mông), hát Páo dung (dân tộc Dao), hát Sinh Ca (dân tộc Cao Lan), hát Soọng Cò (dân tộc Sán Dìu), dân ca (dân tộc Bó Y, Lô Lô, Cờ Lao, Giáy)... 03 “Nghệ nhân nhân dân” và 37 “Nghệ nhân ưu tú”.

<sup>11</sup>. (1) Lễ hội Nhảy lửa của người Pà Thẻn; (2) Lễ hội Gầu Tào của người Mông; (3) Lễ hội năm mới của dân tộc Giáy; (4) Lễ hội Quỳa Hiêng (Lễ hội qua năm) của người Dao đỏ; (5) Tết cá của người Tày, xã Mậu Duệ; (6) Lễ hội Nàng Hai (Cầu Trăng) của người Tày Ngạn; (7) Lễ hội Lồng tồng của người Tày; (8) Lễ hội đền Hạ, đền Thượng, đền Ý La; (9) Lễ hội Đình Thọ Vực; (10) Lễ hội Đình Hồng Thái; (11) Lễ hội Giã cốm của người Tày; (12) Lễ hội Cầu mùa của người Cao Lan.

<sup>12</sup>. Lễ hội Lồng Tồng, Lễ hội Cầu may đình Hồng Thái, Lễ hội Cầu mùa đình Tân Trào, Lễ hội Giã Cốm (dân tộc Tày); Lễ hội Gầu Tào, lễ hội Khèn Mông (dân tộc Mông); Lễ hội Đám Mây, Lễ hội Bàn Vương, lễ Tết Nhảy (dân tộc Dao); Lễ hội Nhảy lửa (dân tộc Pà Thẻn, dân tộc Dao); Lễ hội đình Như Xuyên, đình Giếng Tanh, đình Song Lĩnh, Lễ hội Đình Minh Cầm (dân tộc Cao Lan); Lễ hội Cúng rừng (dân tộc Lô Lô, Pu Páo, Cờ Lao, Phù Lá); Lễ hội Khu cù té (dân tộc La Chí); Lễ hội chợ tình Khâu Vai (dân tộc Giáy, Nùng); Lễ hội Đền Hạ, Đền Thượng, Đền Ý La, Lễ hội chùa Hương Nghiêm (dân tộc Kinh); Lễ hội chùa Phật Lâm, Lễ hội Động Tiên - Chợ què, Hội Chợ Thụt (các dân tộc)... Nghi lễ Then; Nghi lễ cúng Bàn Vương; Nghi lễ cúng thần rừng...

<sup>13</sup>. Tiêu biểu Ngày hội Văn hóa dân tộc Lô Lô; Lễ hội chợ phong lưu Khâu Vai; Hội đua thuyền trên Sông Lô; Lễ hội Tân Trào....

ứng tuyệt vời của con người với thiên nhiên. Toàn tỉnh hiện có 09 di sản được ghi danh vào Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể<sup>14</sup>... Các tri thức này bao quát từ y học dân gian, canh tác nông nghiệp, dự báo thời tiết đến các kỹ thuật trang trí hoa văn và tri thức về ẩm thực. Về tri thức Y học dân gian (Y dược) có các bài thuốc nam và phương pháp chăm sóc sức khỏe của đồng bào Dao (Dao Đỏ, Dao Quần Chẹt), tri thức về cây thuốc nam, kỹ thuật pha chế thuốc tắm, thuốc xông không chỉ có giá trị chữa bệnh mà còn đang trở thành sản phẩm du lịch có sức hút lớn tại các khu nghỉ dưỡng khoáng nóng. Hệ thống tri thức về canh tác và thích ứng môi trường bao gồm về nông lịch, kỹ thuật canh tác lúa nước (người Tày), kỹ thuật trồng ngô trên nương đá và tưới tiêu của đồng bào vùng cao. Đây là nền tảng tạo nên những cảnh quan nhân tạo hùng vĩ và các sản phẩm đặc sản vùng miền. Hệ thống tri thức về nghệ thuật trang trí và biểu tượng thông qua hoa văn trên trang phục...

Các tri thức dân gian (đặc biệt là y dược và kinh nghiệm sản xuất) được lưu giữ trong trí nhớ của các nghệ nhân cao tuổi. Việc thiếu các bộ tài liệu hóa, hệ thống hóa bài bản dẫn đến nguy cơ thất truyền tri thức. Thế hệ trẻ có xu hướng ít quan tâm đến việc học hỏi các kinh nghiệm truyền thống, trong khi thu nhập từ việc thực hành tri thức dân gian (như làm thuốc, dệt vải) chưa đủ sức cạnh tranh với các công việc hiện đại. Các sản phẩm du lịch gắn với tri thức dân gian hiện mới dừng lại ở mức giới thiệu sơ khai, chưa được đầu tư sâu về mặt trải nghiệm và chưa có quy trình chuẩn hóa để thương mại hóa quy mô lớn. Việc sưu tầm, tư liệu hóa và khai thác giá trị tri thức dân gian gắn với phát triển du lịch, chăm sóc sức khỏe tại một số địa phương còn chưa tương xứng với tiềm năng.

### **Phần thứ ba**

## **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỦA ĐỀ ÁN**

### **I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

#### **1. Quan điểm**

- Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc là nhiệm vụ chính trị quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài, gắn chặt với phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển du lịch bền vững. Lây cộng đồng dân tộc thiểu số làm chủ thể bảo tồn và sáng tạo văn hoá, nhà nước giữ vai trò định hướng, hỗ trợ; khuyến khích sự tham gia của nghệ nhân, già làng, trưởng bản, người uy tín, các câu lạc bộ văn hóa, đồng thời huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội.

- Bảo tồn đi đôi với phát triển, đảm bảo hài hòa giữa gìn giữ giá trị văn hoá truyền thống và đáp ứng nhu cầu phát triển của đời sống đương đại; ưu tiên bảo tồn nguyên gốc đối với di sản có nguy cơ mai một cao, đồng thời khuyến khích

<sup>14</sup> (1) Tri thức canh tác hóc đá của cư dân khu vực Cao nguyên đá Đồng Văn; (2) Kỹ thuật trồng lanh và dệt vải lanh của người Mông; (3) Kỹ thuật làm giấy bản của người Dao đỏ; (4) Nghề chạm bạc của người Nùng; (5) Nghệ thuật trang trí trên trang phục truyền thống của người Lô Lô đen xã Lũng Cú; (6) Nghệ thuật trang trí trên trang phục truyền thống của người Dao Đỏ; (7) Nghệ thuật trang trí trên trang phục của người Mông Hoa; (8) Tri thức về cọn nước của người Tày; (9) Tri thức và tập quán trồng lúa nước của người Tày.

sáng tạo, tái hiện phù hợp với bối cảnh mới. Phát triển du lịch văn hóa phải dựa trên bản sắc đặc trưng của từng dân tộc, khai thác khác biệt về lễ hội, kiến trúc, trang phục, tri thức bản địa, nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật dân gian để hình thành sản phẩm du lịch độc đáo theo vùng, theo tộc người.

- Đẩy mạnh số hoá di sản văn hóa, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong bảo tồn, quản lý, quảng bá và kết nối dữ liệu văn hóa - du lịch; xây dựng cơ sở dữ liệu số tổng hợp, đồng bộ, mở và dễ tiếp cận. Huy động đa dạng nguồn lực: Ngân sách nhà nước giữ vai trò nền tảng; đồng thời thúc đẩy hợp tác công - tư, xã hội hóa, tài trợ, nguồn lực cộng đồng để mở rộng quy mô và hiệu quả bảo tồn. Gắn bảo tồn văn hóa với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, cải thiện sinh kế, thông qua phát triển du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái dựa trên các giá trị văn hoá truyền thống đảm bảo sự tham gia và hưởng lợi của người dân địa phương.

## **2. Mục tiêu**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Bảo tồn và phát huy toàn diện các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc tỉnh Tuyên Quang, góp phần xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc; tạo nguồn lực quan trọng để hình thành các sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn, phấn đấu xây dựng Tuyên Quang trở thành Trung tâm du lịch sinh thái, trải nghiệm văn hóa, lịch sử hàng đầu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.2.1. Đến năm 2030**

(1) Hoàn thành kiểm kê các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; lập 10 hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể.

(2) 100% di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, 70% di sản văn hoá phi vật thể trong danh mục kiểm kê được số hóa và ứng dụng trên các nền tảng số, xây dựng cơ sở dữ liệu số thống nhất, liên thông với hệ thống quốc gia.

(3) Mở ít nhất 05 lớp tập huấn, truyền dạy bảo tồn dân ca, dân vũ, nhạc cụ dân tộc, nghề thủ công truyền thống.

(4) Phục dựng ít nhất 05 lễ hội truyền thống gắn với phát triển du lịch.

(5) Xây dựng từ 02 đến 03 làng văn hoá du lịch cộng đồng đạt tiêu chuẩn ASEAN.

(6) Phấn đấu hỗ trợ 124 bộ trang thiết bị hoạt động cho Nhà văn hoá xã; 500 bộ trang thiết bị hoạt động cho Nhà văn hoá thôn.

(7) 100% các trường dân tộc, nội trú, bán trú và trường học liên cấp biên giới thành lập các câu lạc bộ bảo tồn trang phục dân tộc, trình diễn nghệ thuật truyền thống và nghề truyền thống.

(8) Bảo tồn trang phục truyền thống của 03 dân tộc đã mai một, có nguy cơ mai một (dân tộc Bố Y, Cờ lao, Pà Thẻn).

### 2.2.2. Định hướng đến năm 2035

Hướng tới việc hoàn thiện hồ sơ trình UNESCO ghi danh nghệ thuật khèn của người Mông là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; hình thành một hệ sinh thái văn hóa - du lịch thông minh dựa trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số; khai thác và bảo tồn chuyên sâu các hình thức biểu đạt và truyền thống truyền khẩu như tiếng nói, chữ viết và ngữ văn dân gian nhằm khẳng định nét đặc trưng và bản sắc độc đáo của mỗi dân tộc; xây dựng lực lượng kế cận vững chắc thực hiện nghệ thuật trình diễn dân gian và lễ hội truyền thống, đảm bảo các thực hành nghi lễ tiêu biểu được trình diễn thường xuyên trong các sự kiện du lịch quy mô lớn; bảo tồn và phát huy tri thức dân gian, từ nghề thủ công truyền thống, y học cổ truyền đến ẩm thực bản địa gắn kết chặt chẽ với phát triển du lịch; phát huy cộng đồng dân cư đóng vai trò chủ thể cốt lõi trong việc thực hành và truyền dạy; hình thành các sản phẩm du lịch trải nghiệm và du lịch chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; tích hợp đồng bộ các môn thể thao dân tộc như: Kéo co, đẩy gậy, bắn nỏ cùng các trò chơi dân gian đặc sắc vào chương trình lễ hội và các sản phẩm du lịch.

## II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

### 1. Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá truyền thống gắn với phát triển du lịch

#### 1.1. Bảo tồn kiến trúc truyền thống

Việc bảo tồn kiến trúc truyền thống của các dân tộc tại Tuyên Quang cần được xác định là bảo tồn trọn vẹn một "không gian sống" mang đậm bản sắc, nhằm tạo ra những sản phẩm du lịch có sức hút bền vững thay vì chỉ dừng lại ở việc giữ gìn những nếp nhà cũ. Nội dung trọng tâm của công tác này là bảo tồn hình dáng và cấu trúc đặc trưng như kiểu dáng kiến trúc, vật liệu, kỹ thuật xây dựng truyền thống và cách bài trí nội thất, đặc biệt là vị trí bếp lửa và bàn thờ tổ tiên - những yếu tố cốt lõi tạo nên linh hồn của ngôi nhà dân tộc. Đồng thời, cần đảm bảo sự hài hòa giữa kiến trúc nhà ở với môi trường tự nhiên và các công trình cộng đồng như đình làng, cổng chào, hệ thống hàng rào đá hay vườn cây đặc sản.

Địa phương cần xây dựng quy chế quản lý kiến trúc và ban hành bộ hướng dẫn thiết kế truyền thống dành cho người dân và doanh nghiệp khi xây dựng mới tại các khu du lịch điểm, nhằm ngăn chặn tình trạng "bê tông hóa" hoặc sử dụng vật liệu hiện đại như mái tôn, gạch men sắc sỡ làm phá vỡ cảnh quan chung của bản làng. Song song với đó là việc bảo tồn các làng văn hóa đã đạt danh hiệu trong nước và quốc tế, thực hiện nâng cấp và nhân rộng các mô hình tiêu biểu như: Làng văn hóa Lô Lô Chải (nhà trình tường của người Lô Lô), thôn Nậm Đăm (nhà trình

tường của người Dao Áo dài), thôn Tân Lập (nhà sàn của người Tày) và thôn Khâu Tràng (nhà gỗ của người Dao Tiền)... Phát triển thêm các làng văn hóa du lịch cộng đồng mới, cần chú trọng bảo tồn kiến trúc để tham dự các giải thưởng làng văn hoá du lịch cộng đồng đạt tiêu chuẩn ASEAN.

Bên cạnh đó, chính quyền cần xây dựng các hướng dẫn cụ thể về quản lý quy hoạch, rà soát và đầu tư hạ tầng thiết yếu như bãi đỗ xe, điểm dừng chân nhưng phải đảm bảo hình thái kiến trúc hài hòa, không xâm phạm cảnh quan. Công tác rà soát, lập hồ sơ chi tiết các ngôi nhà cổ tiêu biểu theo từng dân tộc cũng cần được triển khai để bảo tồn nguyên trạng những công trình có giá trị lịch sử đặc biệt. Đẩy mạnh vận động đồng bào giữ gìn bản sắc văn hóa gắn với nâng cao nhận thức về du lịch cộng đồng như một sinh kế bền vững, khuyến khích người dân cải tạo nội thất bên trong (vệ sinh, điện, nước) theo tiêu chuẩn du lịch nhưng phải giữ nguyên vỏ kiến trúc bên ngoài để phát triển mô hình Homestay.

### *1.2. Bảo tồn trang phục, nghề truyền thống*

Bảo tồn trang phục truyền thống, nghề truyền thống là bảo tồn biểu tượng văn hóa di động, giúp nhận diện bản sắc của các dân tộc tại Tuyên Quang giữa dòng chảy hội nhập. Để không bị "lai căng" hay "sân khấu hóa" quá mức khi làm du lịch, bảo tồn những giá trị cốt lõi. Trong đó vận động Nhân dân bảo tồn nguyên liệu và kỹ thuật thủ công như: Các công đoạn truyền thống khi thực hiện các nhạc cụ dân tộc, các sản phẩm thủ công, may các trang phục dân tộc, trồng lanh, trồng bông, dệt vải, nhuộm chàm, in sáp ong, kỹ thuật thêu tay các hoa văn đặc trưng; bảo tồn hệ thống hoa văn và biểu tượng. Bảo tồn nghệ thuật chạm khắc bạc, đúc đồng làm trang sức.

Động viên Nhân dân sử dụng trang phục hằng ngày với những trang phục thuận tiện, sử dụng đầy đủ trong dịp lễ hội và các dịp quan trọng. Các trường nội trú, bán trú tuyên truyền về bản sắc văn hóa của trang phục, các nhạc cụ dân tộc và công cụ lao động truyền thống. Tiếp tục duy trì lịch định kỳ hàng tuần, tổ chức các câu lạc bộ của học sinh, để học sinh sử dụng trang phục dân tộc, sinh hoạt nghệ thuật truyền thống, học làm thủ công truyền thống, coi đây là tiêu chí trong đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các trường nội trú, bán trú.

Phát huy trang phục, nhạc cụ, nghề truyền thống trong phát triển du lịch. Xây dựng các điểm trải nghiệm tại các làng văn hóa du lịch cộng đồng, các điểm du lịch trọng điểm, tạo điều kiện để du khách không chỉ ngắm mà được trực tiếp học cách làm trang phục, nhạc cụ, các nghề truyền thống. Chuẩn hóa các cửa hàng dịch vụ cho thuê trang phục, dụng cụ truyền thống, đảm bảo trang phục phải là chuẩn bản sắc, sạch sẽ và có nhân viên hướng dẫn cách mặc đúng, cách tạo dáng phù hợp. Thờ trang hóa di sản, khuyến khích các nhà thiết kế sử dụng họa tiết thổ cẩm, các trang sức từ sản phẩm thủ công để thiết kế các sản phẩm ứng dụng, sản phẩm lưu niệm tinh xảo. Tổ chức trình diễn và tôn vinh trang phục, trang sức, nhạc cụ dân tộc tại các lễ hội lớn, lồng ghép các show trình diễn trang phục các dân tộc trên sân khấu lớn với sự tham gia của chính người dân địa phương.

Tổ chức mở lớp tập huấn, truyền dạy các công đoạn truyền thống về trồng bông, trồng lanh, dệt vải, nhuộm chàm, kỹ thuật thêu tay các hoa văn đặc trưng của các dân tộc: Bố Y, Cờ Lao, Pà Thẻn. Xây dựng quy tắc về việc giữ gìn nguyên bản trang phục, số hóa quy trình để tạo nên các bộ trang phục truyền thống. Xây dựng khu trải nghiệm cho khách du lịch để thực hiện các công đoạn tạo nên sản phẩm trang phục bao gồm các phụ kiện và trang sức đi kèm.

### *1.3. Bảo tồn phát huy sản phẩm ẩm thực truyền thống*

Ẩm thực Tuyên Quang được xác định không chỉ là dịch vụ bổ trợ mà là một "di sản sống" phản ánh sâu sắc chiều sâu lịch sử và bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc địa phương. Để chuyển hóa nguồn tài nguyên này thành lợi thế cạnh tranh chiến lược, công tác bảo tồn cần được triển khai bài bản trên nguyên tắc giữ vững giá trị nguyên bản đồng thời nâng tầm trải nghiệm cho du khách. Theo đó, các món ăn dân dã hàng ngày như Mèn mèn, Cơm lam, Thắng cố cần được chuẩn hóa về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm nhưng phải gìn giữ vẹn nguyên "hồn" dân tộc thông qua việc duy trì nghiêm ngặt các phương pháp chế biến thủ công truyền thống như kỹ thuật đồ xôi ngũ sắc tự nhiên, ủ men lá rừng, đồ mèn mèn kê đá hay nướng cơm lam trên lửa củi. Phục dựng không gian và văn hóa thưởng thức truyền thống từ cách bài trí mâm cơm, sử dụng dụng cụ mộc mạc như chõ gỗ, bát đĩa tre nứa đến việc tái hiện các nghi lễ liên quan như lễ Cơm mới, lễ cúng tổ tiên và kể lại những câu chuyện về nguồn gốc món ăn là nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo ra cảm giác gần gũi, có chiều sâu cho du khách. Kể câu chuyện di sản về ẩm thực (kể cho du khách nghe về sự nhẫn nại của người phụ nữ Mông khi đồ mèn mèn hai lần qua kê đá; về sự kỳ công của người Tày khi chọn ống tre non để làm cơm lam, quy trình từ hạt ngô trên nương đến bát mèn mèn trên bàn...) in các tấm thẻ nhỏ đặt trên bàn ăn hoặc sử dụng mã QR để du khách quét và xem clip về các câu chuyện di sản ẩm thực.

Cần khẩn trương xây dựng "Hồ sơ di sản ẩm thực" nhằm chuẩn hóa công thức và quy trình chế biến cho các đặc sản chủ lực như Bánh gai Chiêm Hóa, Cháo ấu tẩu, Phở ngô, nhằm giữ vững hương vị gốc và tránh tình trạng biến dạng khi mở rộng sản xuất. Đồng thời, công tác bảo hộ sở hữu trí tuệ, đăng ký chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm thế mạnh như: Trà Shan tuyết, mật ong hoa Bạc Hà, cá đặc sản hồ Na Hang, Lâm Bình, cá tầm, thịt trâu, bò khô... cần được đẩy mạnh để khẳng định uy tín thương hiệu. Việc nâng hạng các sản phẩm vào chương trình OCOP gắn với chuẩn hóa bao bì, tem truy xuất nguồn gốc và phát triển các dòng sản phẩm tạo ra những sản phẩm quà tặng du lịch có giá trị cao. Đi đôi với đó là công tác quy hoạch, hỗ trợ người dân duy trì các vùng nguyên liệu bản địa và liên kết chuỗi cung ứng từ trang trại đến bàn ăn để kết nối chặt chẽ hộ nông dân với các nhà hàng, khách sạn, đảm bảo nguồn cung sạch và đậm đà hương vị địa phương.

Phát triển các sản phẩm du lịch "Trải nghiệm ẩm thực" thông qua hệ thống "Bản đồ ẩm thực di sản" dẫn đến các địa chỉ uy tín và thiết kế các tour du lịch thực tế cho phép khách tham gia trực tiếp vào quy trình chế biến như gói bánh Gai, tráng phở Ngô hay đánh bắt cá cùng đồng bào... Khuyến khích các doanh

nghiệp lữ hành và cơ sở kinh doanh tổ chức không gian ăn uống gắn với kiến trúc nhà sàn, bếp lửa để tăng sự hấp dẫn của món ăn trong đúng môi trường văn hóa dân tộc; đồng thời định danh món ăn gắn với địa danh qua các "Set thực đơn đặc trưng" như Mâm cơm cá hồ Na Hang, Tiệc bò núi Cao Nguyên đá, hay tái hiện ý nghĩa lịch sử qua "Bữa cơm Kháng chiến". Việc thiết kế khu vực riêng biệt dành cho các tinh hoa ẩm thực đã đạt giải thưởng và đẩy mạnh hoạt động vinh danh nghệ nhân, cá nhân nắm giữ bí quyết truyền thống kết hợp tổ chức định kỳ cuộc thi "Tinh hoa ẩm thực Tuyên Quang" sẽ là giải pháp đột phá để tìm kiếm tài năng đầu bếp, từ đó quảng bá và khắc sâu thương hiệu du lịch địa phương trong lòng du khách trong nước và quốc tế.

#### *1.4. Bảo tồn phát huy di tích tôn giáo, tín ngưỡng*

Việc bảo tồn các di tích tôn giáo, tín ngưỡng không chỉ là bảo vệ các công trình kiến trúc cổ kính mà còn là giữ gìn không gian tâm linh và các giá trị văn hóa phi vật thể đi kèm. Để công tác này trở thành động lực phát triển du lịch bền vững cho tỉnh Tuyên Quang, cần bảo tồn tuân thủ nghiêm ngặt tính nguyên bản và sự tôn nghiêm. Thường xuyên rà soát, tu bổ, tôn tạo các hạng mục công trình (tiền đường, hậu cung, tam quan...), quá trình đó đảm bảo bảo tồn kiến trúc và nghệ thuật tạo hình bằng vật liệu truyền thống. Giữ gìn hệ thống tượng thờ, hoành phi, câu đối, đồ thờ tự và các hoa văn chạm khắc đặc trưng của thời đại hình thành di tích (như các dấu tích thời Lý tại chùa Bảo Ninh Sùng Phúc hay kiến trúc thời Nguyễn tại hệ thống đền Mẫu). Bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định các bảo vật quốc gia. Bảo tồn không gian cảnh quan, bảo vệ môi trường sinh thái xung quanh, cây cổ thụ và các công trình phụ trợ. Tránh việc xây dựng các công trình hiện đại có quy mô quá lớn, che khuất hoặc phá vỡ sự hài hòa của di tích cốt lõi. Duy trì thực hành tín ngưỡng, bảo tồn các nghi lễ, lễ hội truyền thống diễn ra tại di tích (như Lễ hội rước Mẫu, các khóa lễ cầu an) nhằm giữ cho di tích luôn là một "di sản sống".

Để phát triển du lịch tâm linh một cách chuyên nghiệp, tránh tình trạng thương mại hóa, làm giảm đi tính tôn nghiêm của không gian di tích, cần tập trung phát triển sản phẩm du lịch "Hành trình tâm linh", kết nối các di tích tâm linh trên địa bàn thành chuỗi sản phẩm: Ví dụ tour "Tuyên Quang - Miền đất Mẫu" (kết nối Đền Hạ, Đền Thượng, Đền Ý La) hoặc tour "Về nguồn và Tâm linh" (kết nối Khu di tích Tân Trào với các chùa cổ như chùa Phúc Lâm, chùa Kim Ninh). Xây dựng các chương trình trải nghiệm như: Thiền, nghe giảng về triết lý nhân văn của tôn giáo hoặc tham gia các nghi lễ thực hành tín ngưỡng đã được chuẩn hóa. Đa dạng hóa sản phẩm lưu niệm và ẩm thực tâm linh; phát triển các dòng sản phẩm quà tặng gắn với biểu tượng của di tích (như mô hình bia đá, ấn, tranh thờ dân gian). Khai thác mảng ẩm thực chay hoặc ẩm thực đặc sản gắn với vùng đất có di tích để tăng thêm giá trị trải nghiệm cho khách du lịch. Thiết lập bộ quy tắc ứng xử văn minh tại điểm di tích (về trang phục, cách thức dâng lễ, giữ gìn vệ sinh môi trường) nhằm tạo dựng hình ảnh du lịch tâm linh chuyên nghiệp, tinh tế. Việc bảo tồn các di tích tôn giáo, tín ngưỡng phải đặt trong thế cân bằng: Bảo tồn để phát triển du lịch và lấy nguồn thu từ du lịch để tái đầu tư cho bảo tồn. Khi di tích được

tôn tạo đúng cách và dịch vụ được tổ chức văn minh, du khách sẽ không chỉ đến để chiêm bái một lần mà sẽ quay lại nhiều lần để tìm sự bình an và giá trị văn hóa.

### *1.5. Bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết, ngữ văn dân gian*

Công tác bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết và ngữ văn dân gian tại Tuyên Quang được xác định là nhiệm vụ trọng tâm nhằm giữ gìn thành tố cốt lõi tạo nên sự khác biệt và bản sắc riêng biệt giữa các cộng đồng dân tộc. Trong bối cảnh hiện nay, đây là yêu cầu cấp thiết nhằm ngăn chặn sự mai một của tiếng mẹ đẻ cũng như các tri thức bản địa quý báu được lưu truyền qua hệ thống truyền thuyết và sử thi. Để đảm bảo tính bền vững, công tác bảo tồn cần triển khai thực chất thông qua việc phục hồi và truyền dạy chữ Nôm Tày, chữ Dao cổ, chữ Mông cho thế hệ trẻ ngay tại cộng đồng và trong hệ thống các trường Phổ thông dân tộc nội trú; đồng thời duy trì không gian sử dụng ngôn ngữ bằng cách khuyến khích đồng bào sử dụng song song tiếng phổ thông và tiếng mẹ đẻ trong sinh hoạt hàng ngày, lễ hội và các hoạt động tập thể. Rà soát, hệ thống hóa tư liệu về tiếng nói, chữ viết và các thể loại văn học dân gian như ca dao, tục ngữ, truyện kể, cùng các văn bản ghi chép trong sách cổ, gia phả, sách cúng dùng trong nghi lễ truyền thống. Triển khai các đề tài khoa học chuyên sâu và xây dựng môi trường trao truyền tại thôn bản, gia đình sẽ tạo ra hệ sinh thái bảo tồn sống động, trong đó nêu cao vai trò chủ đạo của các nghệ nhân và người có uy tín thông qua việc lập hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú.

Đặc biệt, việc bảo tồn ngôn ngữ cần gắn liền với không gian du lịch để tạo lập nhận diện thương hiệu đặc trưng tại điểm đến. Điều này được thực hiện thông qua việc lắp đặt hệ thống biển báo, bảng giới thiệu đa ngữ (Tiếng phổ thông - Tiếng dân tộc bản địa - Tiếng Anh). Ứng dụng nghệ thuật thư pháp chữ cổ lên các sản phẩm lưu niệm, tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngôn ngữ ngắn hạn tăng cường sự tương tác trực tiếp giữa du khách và người dân bản địa. Việc lồng ghép các cuộc thi kể chuyện, đối đáp dân ca vào khuôn khổ các lễ hội văn hóa không chỉ làm phong phú thêm sản phẩm du lịch mà còn khơi dậy niềm tự hào dân tộc, tạo động lực mạnh mẽ để đồng bào chủ động gìn giữ và phát huy di sản ngôn ngữ cho các thế hệ mai sau.

### *1.6. Bảo tồn loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian, tập quán xã hội và tín ngưỡng*

Công tác bảo tồn phải lấy cộng đồng làm chủ thể, tập trung vào việc duy trì sức sống của di sản trong môi trường tự nhiên vốn có. Thực hiện rà soát, lập hồ sơ khoa học chi tiết cho từng loại hình nghệ thuật và nghi lễ tín ngưỡng. Duy trì và phát triển không gian thực hành di sản, bảo vệ nghiêm ngặt các "không gian thiêng" và không gian diễn xướng truyền thống như nhà sàn, đình làng, rừng cúng, sân bản. Ngăn chặn việc đô thị hóa làm biến dạng bối cảnh gốc của di sản, đảm bảo các nghi lễ tín ngưỡng và nghệ thuật trình diễn được thực hành trong đúng môi trường văn hóa. Đưa nội dung nghệ thuật trình diễn vào chương trình ngoại khóa của hệ thống trường Phổ thông dân tộc nội trú, bán trú. Tiếp tục phát triển các câu lạc bộ văn hoá dân gian trong cộng đồng các dân tộc, chú trọng khai thác, khôi phục các bài dân ca, các điệu dân vũ, các trò chơi dân gian; hỗ trợ trang thiết

bị, nhạc cụ, trang phục phục vụ thực hành di sản. Hằng năm, tổ chức ngày hội văn hóa, thể thao các dân tộc thiểu số cấp xã, phường; định kỳ 02 năm tổ chức ngày hội văn hóa, thể thao các dân tộc thiểu số cấp tỉnh.

Chuyển hóa di sản thành sản phẩm du lịch đặc sắc dựa trên nguyên tắc tôn trọng tính nguyên bản và đảm bảo lợi ích cộng đồng. Dàn dựng các chương trình biểu diễn nghệ thuật trình diễn dân gian theo mô hình thực cảnh (biểu diễn trên mặt hồ, sân bãi, ruộng bậc thang) có kịch bản xuyên suốt, lồng ghép các điển tích, huyền thoại dân tộc. Phát triển các workshop trải nghiệm cho phép du khách trực tiếp học cách gảy đàn tính, múa khèn hoặc tham gia các công đoạn chuẩn bị nghi lễ, lễ hội dưới sự hướng dẫn của nghệ nhân. Chuẩn hóa và chuyên nghiệp hóa các đội văn nghệ bản làng. Tập huấn kỹ năng sân khấu, ánh sáng và kỹ năng giao tiếp, thuyết minh văn hóa cho các câu lạc bộ văn nghệ tại cơ sở. Biên tập các tiết mục trình diễn súc tích, phù hợp với tâm lý du khách nhưng vẫn giữ được các thành tố cốt lõi của di sản, tránh tình trạng sân khấu hóa làm mất đi tính thiêng của tín ngưỡng. Tích hợp di sản vào chuỗi sự kiện du lịch tiêu biểu: Định vị nghệ thuật trình diễn dân gian và các nghi lễ tín ngưỡng tiêu biểu là điểm nhấn cốt lõi trong các sự kiện lớn. Tạo ra các show diễn định kỳ tại các làng văn hóa để thu hút khách lưu trú dài ngày.

Tiếp tục phối hợp với các tỉnh Lào Cai, Điện Biên xây dựng Hồ sơ Đề cử quốc gia Nghệ thuật Khèn của người Mông đệ trình UNESCO đưa vào Danh sách đại diện của nhân loại. Tiếp tục lựa chọn các di sản thuộc loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian trình Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ghi danh vào Danh mục quốc gia về di sản văn hoá phi vật thể<sup>15</sup>.

### *1.7. Bảo tồn tri thức dân gian*

Để công tác bảo tồn và phát huy giá trị tri thức dân gian tại Tuyên Quang đạt hiệu quả cao, cần thực hiện hệ thống các nhiệm vụ nhằm chuyển hóa "tri thức ẩn" từ trí nhớ của nghệ nhân thành các di sản hiện hữu trong sản phẩm du lịch chiến lược. Nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu là khẩn trương rà soát, lập danh mục và tư liệu hóa các bài thuốc dân gian tiêu biểu, điển hình là thuốc tắm của người Dao, cùng các tri thức về canh tác, dự báo thời tiết và thực dưỡng bản địa. Xây dựng mô hình "Trường học di sản" bằng cách tích hợp các tri thức dân gian như kỹ thuật thêu hoa văn, nhận biết cây thuốc và văn hóa ẩm thực vào chương trình ngoại khóa tại các trường Phổ thông dân tộc nội trú, biến mỗi trường học thành không gian thực hành và lưu giữ tri thức địa phương.

Quá trình bảo tồn phải gắn liền với mục tiêu phát triển kinh tế bền vững để cộng đồng tự nguyện giữ gìn di sản thông qua việc kết nối các bài thuốc tắm, kỹ thuật bấm huyệt với các khu nghỉ dưỡng cao cấp nhằm gia tăng trải nghiệm cho du khách. Đồng thời, cần thực hiện chuẩn hóa sản phẩm OCOP, chuyển đổi các bài thuốc gia truyền thành sản phẩm thương mại có bao bì, tem

---

<sup>15</sup>. Âm nhạc truyền thống của dân tộc Mông, Sán Chay; múa dân gian của dân tộc Tày, Sán Chay; hát giao duyên của dân tộc Mông, Tày, Nùng; múa trong nghi lễ của dân tộc Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Lô Lô, Pà Thẻn, La Chí...

truy xuất nguồn gốc và kiểm định y tế rõ ràng. Việc phối hợp với các viện nghiên cứu dược lý để phân tích thành phần hóa học không chỉ giúp tri thức dân gian có cơ sở khoa học để được xã hội tin dùng mà còn là cơ sở để đăng ký chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu tập thể theo đúng quy định, tránh việc di sản bị khai thác bất hợp pháp hoặc biến dạng thương hiệu. Đảm bảo cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng khi các doanh nghiệp khai thác tri thức dân gian để tái đầu tư cho cộng đồng chủ thể. Công tác đào tạo cũng cần được chú trọng thông qua việc hỗ trợ con em các gia đình có nghề truyền thống theo học bài bản về y dược cổ truyền hoặc quản trị kinh doanh để trở thành những người vận hành kinh tế di sản chuyên nghiệp.

Xây dựng "Bảo tàng sống về tri thức bản địa" và tổ chức các tour du lịch trải nghiệm thực tế như hái thuốc, canh tác nông nghiệp truyền thống sẽ tạo không gian để các nghệ nhân trao đổi kinh nghiệm, chuẩn hóa bí quyết cộng đồng và đưa tri thức dân gian tiếp cận gần hơn với công chúng.

## **2. Các giải pháp trọng tâm**

### ***2.1. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ công tác bảo tồn văn hóa***

Việc phát triển nguồn nhân lực phục vụ công tác bảo tồn văn hóa là nhiệm vụ trọng tâm, công tác này cần được triển khai đồng bộ.

Tiếp tục rà soát, đề nghị các cấp có thẩm quyền công nhận Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Nghệ nhân dân gian... thiết lập không gian truyền dạy di sản mở lớp dạy hát then, đàn tính, dệt thổ cẩm. Tập huấn cho nghệ nhân kỹ năng trình diễn chuyên nghiệp, cách giao lưu với du khách để họ trở thành những hướng dẫn viên văn hóa tại các điểm du lịch văn hóa. Xây dựng các đội văn nghệ truyền thống, câu lạc bộ văn nghệ dân gian xã, phường, thôn, tổ dân phố; tiếp tục triển khai thực hiện và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội nghệ nhân dân gian, kiện toàn Hội di sản văn hoá tỉnh, chú trọng vai trò của các Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú là người sáng tạo, gìn giữ giá trị văn hoá, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống.

Bồi đắp niềm tự hào và định hướng sinh kế cho thế hệ trẻ. Giáo dục di sản trong học đường, đưa các nội dung bảo tồn văn hoá truyền thống, nghệ thuật truyền thống, tiếng dân tộc vào chương trình ngoại khóa tại các trường Dân tộc nội trú. Tổ chức các cuộc thi "Đại sứ di sản" để khơi dậy lòng tự hào dân tộc. Liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp du lịch để đào tạo con em đồng bào về nghiệp vụ du lịch, trong đó lấy bản sắc văn hóa của chính dân tộc họ làm thế mạnh cốt lõi để cạnh tranh. Khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng hoa văn, chất liệu truyền thống vào các sản phẩm hiện đại (thời trang, quà lưu niệm, thiết kế đồ họa) nhằm tạo ra thu nhập từ văn hóa.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ nòng cốt, cán bộ là người dân tộc thiểu số, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ngành văn hoá, bố trí vị trí việc làm đúng chuyên môn, trình độ; ưu tiên sử dụng lao động là người địa phương, người dân tộc thiểu số làm việc tại các điểm di tích là cơ sở tôn giáo, tín

ngưỡng, tại các khu, điểm du lịch nhằm phát huy lợi thế am hiểu văn hoá bản địa. Có chính sách đãi ngộ, ưu tiên trong việc thu hút sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi, cán bộ có năng lực; cán bộ dân tộc thiểu số, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, người thực hành (am hiểu về văn hoá truyền thống, có khả năng hướng dẫn, truyền dạy trong cộng đồng), Nghệ nhân dân gian về công tác hoặc phối hợp tham gia phục vụ tại các đơn vị văn hoá nghệ thuật ở địa phương. Nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý về văn hóa. Tổ chức các lớp bồi dưỡng về quản lý văn hóa, kỹ năng kiểm kê di sản và phương pháp bảo tồn cho cán bộ, đội ngũ hướng dẫn viên du lịch, thuyết minh viên tại các di tích, bảo tàng và điểm du lịch, chú trọng nâng cao kiến thức về lịch sử, văn hoá, kỹ năng thuyết minh, giao tiếp, ngoại ngữ và kỹ năng phục vụ du lịch; từng bước nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động hướng dẫn và giới thiệu di sản văn hoá. Trang bị kỹ năng số hóa 3D, vận hành bản đồ di sản số và quản trị truyền thông trên mạng xã hội để quảng bá văn hóa địa phương ra thế giới. Xây dựng mạng lưới cố vấn gồm các nhà khoa học, nhà nghiên cứu văn hóa để tư vấn cho tỉnh trong việc tu bổ di tích và phục dựng các nghi lễ quan trọng. Hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản: Khảo sát, đánh giá, đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ, xây dựng sản phẩm văn hóa - du lịch.

Đào tạo kỹ năng làm du lịch văn hóa cho người dân địa phương. Hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ cho các hộ dân cách tổ chức đón tiếp khách chuyên nghiệp nhưng vẫn giữ được sự mộc mạc, hiếu khách đặc trưng của vùng cao. Thành lập đội ngũ câu lạc bộ văn hoá dân gian, bồi dưỡng đội ngũ hướng dẫn viên bản địa, nghệ nhân dân gian trẻ, biết sử dụng tiếng Anh, kỹ năng thuyết minh, kỹ năng kể lại những điển tích, ý nghĩa món ăn, trang phục, nghi lễ, lễ hội truyền thống, kiến trúc nhà ở... cho du khách một cách hấp dẫn, giàu cảm xúc. Mở các lớp truyền dạy bảo tồn tiếng nói, chữ viết, dân ca, dân vũ, nhạc cụ, nghề thủ công truyền thống, có chứng chỉ hoặc giấy xác nhận để phục vụ tham gia hoạt động du lịch. Nâng cao năng lực số cho cộng đồng địa phương, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số thông qua các lớp tập huấn về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội (TikTok, Facebook, Instagram) để livestream quảng bá văn hóa, bán đặc sản địa phương qua thương mại điện tử.

## ***2.2. Chuyển đổi số, ứng dụng khoa học - công nghệ***

Ưu tiên thực hiện số hóa di sản văn hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu số về di tích, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản; từng bước triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực di sản văn hóa và phát triển các dịch vụ văn hóa trên nền tảng số.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và bản đồ số về di sản văn hóa, tích hợp thông tin về di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống, các loại hình di sản văn hóa phi vật thể; kết nối với các nền tảng du lịch thông minh nhằm phục vụ công tác quản lý, tra cứu thông tin và quảng bá điểm đến. Đẩy mạnh ứng dụng mã QR và hệ thống thuyết minh điện tử tại các di tích, bảo tàng, điểm du lịch để cung cấp thông tin, hình ảnh, video, tư liệu về lịch sử, văn hóa, lễ hội và các giá trị di sản,

giúp du khách dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu thông tin. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến như công nghệ 3D, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) trong việc giới thiệu, tái hiện không gian văn hóa, các di sản văn hoá, kiến trúc nhà ở và các nghi lễ, lễ hội truyền thống... tạo điều kiện để người xem được trải nghiệm, khám phá và tiếp cận các giá trị di sản văn hóa một cách sinh động, trực quan. Tăng cường chuyển đổi số trong công tác trưng bày, giới thiệu di sản tại bảo tàng, xây dựng các phòng trưng bày số, triển lãm trực tuyến, kho dữ liệu hình ảnh, phim tư liệu, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận của công chúng đối với di sản văn hóa.

Đầu tư hạ tầng mạng viễn thông và các trạm phát sóng tại các vùng sâu, vùng xa; xây dựng Bộ nhận diện văn hóa các dân tộc Tuyên Quang, chuẩn hóa màu sắc, họa tiết, biểu tượng ứng dụng vào quảng bá du lịch, sản phẩm lưu niệm, truyền thông.

### ***2.3. Huy động các nguồn lực để đầu tư và thực hiện chính sách***

Huy động nguồn vốn ngân sách Trung ương và tỉnh, lồng ghép với các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số, để đầu tư cho các trường dân tộc, nội trú, bán trú và trường học liên cấp biên giới thành lập các câu lạc bộ bảo tồn trang phục dân tộc, trình diễn nghệ thuật truyền thống và nghề truyền thống. Bảo tồn trang phục truyền thống của 03 dân tộc Bó Y, Cờ lao, Pà Thẻn. Trang bị các thiết bị cho Nhà văn hoá xã, Nhà văn hoá thôn. Mở lớp tập huấn, truyền dạy bảo tồn dân ca, dân vũ, nhạc cụ dân tộc, nghề thủ công truyền thống. Phục dựng các lễ hội truyền thống gắn với phát triển du lịch.

Lồng ghép các nguồn lực để thực hiện các chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí hàng tháng, bảo hiểm y tế cho các "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" để họ yên tâm cống hiến và truyền nghề. Đầu tư số hóa và ứng dụng trên các nền tảng số, xây dựng cơ sở dữ liệu số thống nhất, liên thông với hệ thống quốc gia; di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Xây dựng làng văn hoá du lịch cộng đồng đạt tiêu chuẩn ASEAN. Xây dựng Bảo tàng tỉnh (cơ sở 1, cơ sở 2), Bảo tàng không gian văn hoá các dân tộc vùng Cao nguyên đá Đồi Văn trở thành điểm tham quan, nghiên cứu, trải nghiệm văn hóa tiêu biểu, góp phần giới thiệu, quảng bá giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc trong tỉnh.

Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp, tổ chức, người dân tham gia bảo tồn và khai thác di sản; khuyến khích cộng đồng làm chủ mô hình du lịch văn hóa, quản lý, khai thác các di tích tôn giáo, tín ngưỡng; hỗ trợ cho sưu tầm, bảo tồn, phát huy giá trị di sản, xây dựng thành các sản phẩm du lịch đặc trưng, hấp dẫn từ các tri thức dân gian, nghề truyền thống. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển dịch vụ du lịch, xây dựng sản phẩm du lịch mới, giữ gìn và phục hồi phong tục tập quán, giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, nghề truyền thống, làm sản phẩm lưu niệm của địa phương... đáp ứng nhu cầu cho khách du lịch. Tăng cường hợp tác công - tư (PPP) trong đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch, làng văn hóa du lịch, không gian biểu diễn.

Huy động nguồn vốn xã hội hóa bảo tồn, phát triển bản sắc văn hoá truyền thống gắn với phát triển các sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, du lịch lễ hội, du lịch tôn giáo, tín ngưỡng, tạo ra nét độc đáo, tăng tính hấp dẫn với du

khách. Đẩy mạnh liên kết phát triển du lịch giữa các địa phương trong tỉnh và với các tỉnh, thành phố trong khu vực; xây dựng các chương trình hợp tác quảng bá du lịch, hình thành các tuyến, tour du lịch liên vùng gắn với khai thác giá trị di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh và các sản phẩm du lịch đặc trưng; tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp lữ hành, hiệp hội du lịch trong việc xây dựng, quảng bá và đưa khách đến tham quan, trải nghiệm.

#### ***2.4. Tuyên truyền, quảng bá, liên kết phát triển du lịch***

Tổ chức các chiến dịch truyền thông về giá trị độc đáo, đặc sắc, câu chuyện văn hóa của các lễ hội tạo sức hút trên báo chí, truyền hình và mạng xã hội văn hóa truyền thống của tỉnh. Sản xuất các nội dung video clip ngắn, vlog âm thực (YouTube, TikTok, Facebook) giới thiệu câu chuyện truyền thuyết gắn liền các món ẩm thực, các nghề truyền thống, các tri thức dân gian ... với mỗi món ăn, nguyên liệu và cách chế biến món ăn; tổ chức các lễ hội ẩm thực, liên hoan món ngon đặc sản, kết hợp với các tour du lịch văn hóa.

Tổ chức ngày hội văn hoá thể thao các dân tộc, liên hoan ca múa nhạc và trích đoạn lễ hội dân gian, trưng bày, triển lãm di sản văn hoá dân tộc gắn với thực hiện công tác giới thiệu, quảng bá bản sắc văn hoá, tri thức dân gian, ẩm thực đặc trưng, tiêu biểu của từng dân tộc tới du khách trong nước và quốc tế.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, quảng bá thông qua việc xây dựng và phát triển các kênh thông tin, trang web, mạng xã hội; tăng cường liên kết với các nền tảng du lịch trực tuyến, các kênh truyền thông số, các doanh nghiệp lữ hành để quảng bá hình ảnh, điểm đến và sản phẩm du lịch, góp phần mở rộng phạm vi tiếp cận du khách trong nước và quốc tế.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025; Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2: từ năm 2025 đến năm 2030; Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm; dự kiến Danh mục nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Đề án: **189.700 triệu đồng.**

Trong đó:

- Nguồn vốn CTMT quốc gia: 84.750 triệu đồng.
- Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh: 99.950 triệu đồng.
- Nguồn vốn xã hội hóa: 5.000 triệu đồng.

## Phần thứ tư

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Thực hiện các nội dung của Đề án theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân các xã, phường thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo lộ trình gắn với các sự kiện văn hoá, du lịch khu vực, toàn quốc.

- Chủ động phối hợp với các sở, ngành, địa phương, cơ quan báo chí của tỉnh, Trung ương đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh về Tuyên Quang gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa của tỉnh thông qua nhiều hình thức đa dạng, phong phú, hiệu quả, đảm bảo đúng quy định, tạo điểm nhấn, lan tỏa hình ảnh đẹp về con người và văn hóa Tuyên Quang.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền các nội dung, sản phẩm của Đề án; xử lý kịp thời những trường hợp đăng, phát và xuất bản nội dung thông tin thiếu khách quan, không chính xác khi tuyên truyền về Đề án.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án ở các cơ quan, đơn vị; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **2. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí ngân sách cho công tác triển khai thực hiện Đề án đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

#### **3. Sở Dân tộc và Tôn giáo**

- Tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số giữ gìn bản sắc văn hoá, phong tục, tập quán tốt đẹp gắn với phát triển du lịch, bảo đảm sinh kế bền vững.

- Phối hợp tham mưu thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với lồng ghép nội dung bảo tồn văn hóa.

- Phát huy vai trò già làng, trưởng bản, người có uy tín trong công tác tuyên truyền vận động.

#### **4. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống các dân tộc trong các cơ sở giáo dục tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2025-2030.

- Chủ trì, phối hợp với Tỉnh đoàn Tuyên Quang đa dạng hóa các cuộc thi (giảng, viết, nấu ăn, hùng biện, trình diễn trang phục...) để tìm hiểu, bảo tồn và

phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc trong tỉnh, tạo sân chơi sáng tạo, giúp tôn vinh các giá trị truyền thống, gắn kết cộng đồng và nâng cao nhận thức thế hệ trẻ.

### **5. Sở Xây dựng**

Thực hiện chức năng tham mưu quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc, đầu tư xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn theo quy định của pháp luật.

### **6. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế; thực hiện các nhiệm vụ về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đảm bảo phù hợp, đúng quy định.

### **7. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định, quy chế về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch; phối hợp quản lý môi trường tại các khu, điểm di tích, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng theo quy định của pháp luật bảo đảm tính đồng bộ, rõ trách nhiệm và phù hợp với thực tiễn.

- Tăng cường công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học gắn với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái; hướng dẫn khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về nông nghiệp và môi trường đối với các dự án đầu tư phát triển du lịch, các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, tín ngưỡng và tôn giáo; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo thẩm quyền.

### **8. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất công tác quản lý đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông, quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động du lịch gắn với bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc.

- Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch triển khai 02 nhiệm vụ: (1) Ứng dụng du lịch thông minh iLoca; (2) Số hóa Bảo tàng lịch sử.

### **9. Sở Công Thương**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch khôi phục và phát triển các làng nghề, tổ chức sản xuất các mặt hàng thủ công truyền thống tạo ra các sản phẩm lưu niệm mang đậm dấu ấn văn hóa địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, mua sắm sản phẩm lưu niệm của khách du lịch.

- Phối hợp phát triển các sản phẩm nghề thủ công truyền thống (nghề dệt vải của người La Chí; chạm khắc bạc của người Mông; thêu dệt lanh, thổ cẩm của người Mông, Dao, Lô Lô; dệt thổ cẩm, đan lát của người Tày; làm trang phục và vẽ sáp ong của người Dao Tiền; nghề rèn của người Dao...), văn hoá ẩm thực các dân tộc (Mông, Tày, Cao Lan...) và sản phẩm từ tri thức dân gian

khác của đồng bào các dân tộc thành các sản phẩm OCOP, tổ chức kết nối tiêu thụ sản phẩm, tham gia hội chợ, triển lãm...

### **10. Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang**

- Tăng cường tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; về cơ chế chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc.

- Tăng cường các hoạt động thông tin, thời lượng phát sóng, mở chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền, quảng bá về văn hoá truyền thống các dân tộc, giới thiệu điểm đến, các sản phẩm văn hoá thu hút khách du lịch; đưa tin, viết bài về các tấm gương tiêu biểu trong việc gìn giữ, phát huy các giá trị bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

### **11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh**

- Vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá truyền thống, thực hiện nếp sống văn minh trong phát triển du lịch; lồng ghép với các cuộc vận động, phong trào thi đua do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc chủ trì.

- Thực hiện giám sát việc triển khai Đề án và tham gia phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách có liên quan, nhằm phát huy đầy đủ vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.

### **12. Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh**

- Thực hiện công tác nghiên cứu, sưu tầm, giới thiệu văn hóa dân gian các dân tộc trên Tạp chí Văn học Nghệ thuật.

- Tham mưu, xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ trong các dân tộc thiểu số.

### **13. Các sở, ngành có liên quan**

- Chủ động, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ nội dung Đề án để xây dựng kế hoạch, các giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; kịp thời tham mưu, đề xuất nhiệm vụ thực hiện Đề án thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hỗ trợ, tuyên truyền, tham gia phối hợp và kêu gọi, vận động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia các hoạt động xây dựng Đề án.

### **14. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, chỉ đạo các phòng chuyên môn xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện tại địa phương. Lựa chọn, đề xuất các di sản tiêu biểu cần bảo tồn và phát triển để tỉnh hỗ trợ. Phối hợp với các sở, ngành của tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các nội dung có liên quan.

- Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương có trách nhiệm cân đối, bố trí nguồn vốn (ngân sách xã) để lồng ghép triển khai, thực hiện Đề án, bảo đảm cho việc thực hiện các nội dung: Xây dựng làng văn hóa du lịch cộng đồng; các di sản văn hóa tiêu biểu, lễ hội truyền thống được lựa chọn phục dựng, để duy trì và phát triển.

- Tổ chức truyền thông, quảng bá điểm đến du lịch tại địa phương gắn với bảo tồn văn hoá, chủ động giới thiệu các sản phẩm, sự kiện du lịch gắn với không gian văn hoá, lễ hội, nghề thủ công truyền thống tiêu biểu của địa phương.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân, đặc biệt người dân vùng biên giới hiểu rõ giá trị văn hóa của nhà ở truyền thống, sử dụng vật liệu bền vững (bê tông giả gỗ, mái tôn giả ngói) nhưng vẫn giữ nguyên kiểu dáng, không gian sinh hoạt và cấu trúc truyền thống, kết hợp với cảnh quan vườn, hàng rào xanh nhằm tạo không gian thoáng đãng để các ngôi nhà truyền thống có thể trở thành điểm dừng chân, homestay, giúp người dân có nguồn thu từ dịch vụ du lịch.

- Tuyên truyền, vận động cộng đồng dân cư tại địa phương để mỗi người nhận thức và thực hiện tốt vai trò là chủ thể chính trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; cộng đồng dân cư vừa là người lưu giữ, thực hành giá trị văn hóa bản địa, vừa trực tiếp tham gia giám sát sự tồn tại và phát triển, vừa là nguồn nhân lực và tài chính tại chỗ, giúp duy trì giá trị bền vững của di sản khỏi nguy cơ mai một và lãng quên. Mỗi người trong cộng đồng dân cư cần nâng cao ý thức, trách nhiệm tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị di sản gắn với phát triển du lịch bền vững; chung tay bảo tồn các giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan và bảo vệ tài nguyên môi trường du lịch, bảo đảm trật tự trị an để góp phần xây dựng môi trường du lịch xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện và mến khách.

- Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong hoạt động homestay, khuyến khích người dân tham gia gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc, tuyên truyền ý nghĩa của ngành du lịch đối với nền kinh tế, với môi trường - xã hội, đến đời sống của cộng đồng dân cư, đến công tác bảo tồn các giá trị tài nguyên tự nhiên và các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc bản địa...

---